

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2026
“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cung Trần Lương;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Công Văn;

- Bà Lương Thị Nhiều;

- Thư ký phiên tòa: Ông Mua Mí Chứ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2026 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST ngày 26 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lầu Mí D, sinh ngày 01/01/1997; CCCD số: 002097009626, ngày cấp: 23/03/2024, nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH, địa chỉ: thôn L (nay là thôn L), xã S, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân G. Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Sinh Thị D1, sinh năm 2001; nơi đăng ký hộ khẩu và cư trú cuối cùng: thôn L (nay là thôn L), xã S, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lầu Mí D trình bày:

Anh Lầu Mí D và chị Sinh Thị D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) ngày 30/7/2019. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2020 chị Sinh Thị D1 bỏ đi biệt tích, anh D đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm

nhưng đến nay không có kết quả gì, ngày 27/3/2026 Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang đã ra quyết định số 02/2026/QĐST-DS tuyên bố chị Sinh Thị D1 mất tích. Nay để ổn định cuộc sống, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sinh Thị D1.

Về con chung: Vợ chồng anh D có một con chung là cháu Lầu Thị M, sinh ngày 08/3/2018; đến khoảng tháng 8 năm 2020 chị Sinh Thị D1 đã đưa con gái cùng bỏ đi biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Nay anh không đề nghị giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D xác nhận, vợ chồng anh không có tài sản và công nợ chung gì, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn: Anh Lầu Mí D đồng ý với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 237, 239, 254 của BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh L Mí D được ly hôn với chị Sinh Thị D1.

Về con chung: Anh D xác nhận có 01 con chung là Lầu Thị M, sinh ngày 08/3/2018 hiện tại chị Sinh Thị D1 đã đưa con gái cùng đi, không có tin tức về hai mẹ con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Lầu Mí D xác nhận không có, nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí HNGĐ sơ thẩm cho anh Lầu Mí D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của anh L Mí Dờ xin ly hôn với chị Sinh Thị D1 có địa chỉ cuối cùng trước khi biệt tích là thôn L (nay là thôn L), xã S, tỉnh Tuyên Quang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyết định của Tòa án và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã bị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang tuyên bố mất tích tại Quyết định số 02/2026/QĐST-DS ngày 27/3/2026, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn về quá trình triệu tập, tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 26/8/2026 bị đơn vắng mặt không có lý do, đến phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt. Nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lầu Mí D và chị Sinh Thị D1 xác lập quan hệ vợ chồng theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 30/7/2019. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì, đến khoảng tháng 8/2020 chị D1 đã bỏ nhà đi biệt tích, anh D và người thân trong gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không xác định được chị D1 hiện đang ở đâu, làm gì. Chị D1 đã bị Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2026/QĐST-DS ngày 27/3/2026. Nay anh D xin ly hôn chị D1, căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần xử chấp nhận cho anh L Mí Dờ được ly hôn chị Sinh Thị D1.

[4] Về con chung: Anh Lầu Mí D và chị Sinh Thị D1 có 01 con chung là cháu Lầu Thị M, sinh ngày 08/3/2018. Theo lời trình bày của anh D, khoảng tháng 8 năm 2020 chị D1 đã đưa cháu M cùng đi khỏi địa phương và từ đó đến nay không có tin tức về hai mẹ con. Anh D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do anh D không có yêu cầu giải quyết về việc trực tiếp nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án không xác định được hiện cháu Lầu Thị M đang ở đâu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc giao con trong vụ

án này. Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp hoặc có căn cứ cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Anh D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Xét thấy, anh L Mí Dờ thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, anh đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cần miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho anh Lầu Mí D. Trả lại tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001129 ngày 28/5/2026.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L Mí Dờ, cho anh L Mí Dờ được ly hôn với chị Sinh Thị D1 (theo Giấy chứng kết hôn số 14 tại UBND xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (nay là xã S, tỉnh Tuyên Quang) ngày 30/7/2019). Thời điểm chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về án phí*: Miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho anh Lầu Mí D. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình do anh Lầu Mí D đã nộp theo biên lai số 0001129 ngày 28/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang cho anh Lầu Mí D.

3. *Quyền kháng cáo*: Anh Lầu Mí D có quyền kháng cáo bản án này trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Sinh Thị D1 có quyền kháng cáo bản án này

trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSNDKV8, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Sơn Vĩ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Củng Trần Lương